

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 3 năm 2025.

“V/v ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 “Về việc ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Á, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Các đương sự có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 24/12/2024, Biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi (N) và ông Nguyễn Văn Á qua thời gian quen biết, được sự đồng ý của hai gia đình chúng tôi cưới nhau vào năm 1994, và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/7/2005, tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Sau kết hôn, chúng tôi sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn Á không tôn trọng, coi thường tôi tự quyết định mọi

công việc của gia đình mà không cho tôi tham gia góp ý, bàn bạc. Ông Nguyễn Văn Á tự ý vay tiền cho các con đi xuất khẩu lao động, thời gian ông Nguyễn Văn Á đi làm xa, tôi ở nhà trông mấy đứa cháu, khi về ông Á lại nói tôi này khác, không chăm lo cho gia đình. Do chúng tôi không còn tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể ngồi lại với nhau để giải quyết mâu thuẫn được, nên nhiều khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không kiềm chế được bản thân tôi cũng có những lời nói không đúng mực. Hiện vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, dù đang chung sống cùng nhà, nhưng chúng tôi đã ly thân với nhau về mặt tình cảm. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn Á.

- *Về con chung*: Tôi và ông Nguyễn Văn Á có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/9/1995 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/5/1999. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi và đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**Tại Bản tự khai ngày 10/01/2025, Biên bản làm việc và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn Á trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Qua phần trình bày của bà Nguyễn Thị N về thời gian kết hôn ở trên là đúng tôi không bổ sung thêm về nội dung này.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Năm 2017 tôi có lo cho các con tôi đi xuất khẩu lao động, nhưng bà Nguyễn Thị N không đồng ý. Năm 2021 tôi có đi làm xa, ở nhà bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ không bình thường với người khác giới, khi tôi hỏi thì bà Nguyễn Thị N giải thích không rõ ràng nên vợ chồng có xảy ra xung đột, bản thân bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng thuần phong mỹ tục, chữ chồng, từ đó vợ chồng tôi liên tục xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được, nhưng bản thân tôi cố gắng chờ con cái về để gia đình đoàn tụ, nhưng bà Nguyễn Thị N không những không muốn vun vén hạnh phúc gia đình mà có những mối quan hệ không hay ở ngoài xã hội, hàng xóm dị nghị. Do bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không hòa hợp, nên chúng tôi đã sống ly thân nhau khoảng 02 năm nay.

Nay bà Nguyễn Thị N xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn, vì vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Tuy nhiên hiện tài sản chúng tôi chưa thỏa thuận được, nếu bà Nguyễn Thị N đồng ý giao tài sản cho tôi để trả nợ thì tôi mới đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 02 con chung như bà Nguyễn Thị N đã trình bày ở trên, hiện các cháu đã trưởng thành nên các cháu ở với ai thì tùy.

- *Tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét về vấn đề tài sản chung của chúng tôi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do các bên chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản, nên không thể hoà giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phần tranh luận:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Á.

-Bị đơn ông Nguyễn Văn Á cho rằng mặc dù tình cảm vợ chồng đã hết, không thể nối lại được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, nhưng do vợ chồng chưa thoả thuận xong về phân tài sản nên chưa đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

. -*Về tố tụng*: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-*Về nội dung*: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên xử;

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Á.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án*: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N lập ngày 24/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Kiện ly hôn*”. Tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Á đang cư trú tại: T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N*:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Qua lời trình bày của các bên đương sự thấy rằng: Trong cuộc sống chung của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á, do tính cách vợ chồng trái ngược nhau, bất đồng về quan điểm và lối sống, không có sự tôn trọng nhau

trong cuộc sống, nên mọi công việc của gia đình vợ chồng không có sự trao đổi bàn bạc, thống nhất với nhau, mỗi người một ý, không ai nghe ai, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn va chạm, dẫn đến mất lòng tin, nghi kỵ lẫn nhau, nhưng không thể ngồi lại với nhau để hoà giải, bàn bạc, tháo gỡ, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn để có giải pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến vợ chồng đã mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên không thể giải quyết được.

Lời trình bày của các đương sự tại phiên toà là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu được thu thập lưu trong hồ sơ có cơ sở khẳng định: Từ việc mâu thuẫn nhỏ với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á đã không giải quyết tháo gỡ dứt điểm ngay từ đầu, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng cứ lớn dần và càng mâu thuẫn hơn. Xét thấy, việc mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á kéo dài nhiều năm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2022 cho đến nay. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Á là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình,

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân tồn tại, ông bà có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/9/1995 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/5/1999. Tuy nhiên, con chung đã trên 18 tuổi đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27, tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Nguyễn Thị N.

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Á.

2. *Về con chung*: Các con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/9/1995 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/5/1999 đều trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số bà Nguyễn Thị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000902 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã P
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN MẠNH TUÂN